BỘ QUỐC PHÒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 05/2021/TT-BQP	----------

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2021

THÔNG TƯ

Quy định một số nội dung về lựa chọn nhà thầu trong phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng

---

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016, số 01/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2016/NĐ-CP quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh;

Căn cứ Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về một số gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 26 Luật Đấu thầu;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định một số nội dung về lựa chọn nhà thầu trong phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định một số nội dung về lựa chọn nhà thầu trong phạm vi quản lýcủa Bộ Quốc phòng, bao gồm: Nội dung lập, trình, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; đăng tải thông tin về đấu thầu và đấu thầu qua mạng; giải quyết kiến nghị về đấu thầu; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp trong Bộ Quốc phòng theo quy định của Luật Đấu thầu.

2. Thông tư này không áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Lựa chọn nhà thầu trong xây dựng công trình chiến đấu; công trình trường bắn, thao trường huấn luyện;

b) Lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng;

c) Mua sắm hàng hóa trong các trường hợp phải đàm phán nhập khẩu theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đấu thầu trong Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. ***Người có thẩm quyền*** là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định phê duyệt dự án, quyết định mua sắm hoặc là người được uỷ quyền, phân cấp theo quy định của Nhà nước và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

2. ***Đơn vị mua sắm*** là cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mua sắm.

3. ***Đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng*** bao gồm: Bộ Tổng Tham mưu; Tổng cục Chính trị và các Tổng cục; Quân khu; Quân đoàn; Quân chủng; Binh chủng; Binh đoàn; các Bộ Tư lệnh: Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam, Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thủ đô Hà Nội, 86; Học viện, Nhà trường trực thuộc Bộ Quốc phòng; Ban Cơ yếu Chính phủ; Bệnh viện trực thuộc Bộ Quốc phòng; Trung tâm Nhiệt đới Việt-Nga; Viện Khoa học và Công nghệ quân sự; doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Chương II

LẬP, TRÌNH, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 4. Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (KHLCNT) thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Đấu thầu và các quy định của pháp luật có liên quan;

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được lập cho toàn bộ dự án, dự toán mua sắm khi đủ điều kiện và các dự án, chương trình cấp bách cần thực hiện ngay được người có thẩm quyền cho phép, các dự án nhóm C có tổng mức đầu tư dưới 45 tỷ đồng (trừ dự án đóng tàu quân sự).

3. Trường hợp chưa đủ điều kiện lập KHLCNT cho toàn bộ dự án, dự toán mua sắm thì lập KHLCNT cho một hoặc một số gói thầu để thực hiện trước. Cụ thể như sau:

a) Chủ đầu tư lập và trình duyệt KHLCNT đợt 1 cho các gói thầu tư vấn: Khảo sát, thiết kế kỹ thuật - dự toán, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán, thẩm tra thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công - dự toán; tư vấn lựa chọn nhà thầu (nếu có) để trình phê duyệt cùng dự án;

b) Chủ đầu tư tiến hành lập và trình duyệt KHLCNT thành các đợt tiếp theo sau khi có quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc thiết kế bản vẽ thi công - dự toán phù hợp với kế hoạch vốn bố trí cho dự án;

Trường hợp không thể phân chia các công việc của dự án thành KHLCNT từng đợt theo mức vốn đã bố trí thanh toán, chủ đầu tư phải giải trình rõ các lý do và đề xuất giải pháp bảo đảm khả năng thanh toán trong KHLCNT trình duyệt. Cơ quan thẩm định có trách nhiệm lập báo cáo kết quả thẩm định, trình người có thẩm quyền xem xét quyết định phê duyệt KHLCNT bảo đảm tuân thủ đúng pháp luật của Nhà nước và quy định của Bộ Quốc phòng;

c) Đối với dự toán mua sắm: Đơn vị mua sắm căn cứ vào kế hoạch ngân sách, kế hoạch mua sắm được người có thẩm quyền giao để lập dự toán và KHLCNT trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

Điều 5. Nội dung trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Đối với dự án đầu tư: Tờ trình, nội dung KHLCNT thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu (sau đây viết tắt là Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT).

2. Đối với dự toán mua sắm: Đơn vị mua sắm lập dự toán đồng thời với KHLCNT trình cấp có thẩm quyền phê duyệt gồm hai phần: Phần dự toán và phần KHLCNT.

a) Phần dự toán gồm những nội dung sau:

- Tênđơn vị mua sắm;
- Nội dung mua sắm (số lượng, chủng loại);
- Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa (cấu hình, tính năng chiến - kỹ thuật cơ bản của hàng hóa mua sắm; xuất xứ hoặc tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa; năm sản xuất); giải pháp kỹ thuật thực hiện (nếu có);
- Giá trị dự toán đề nghị phê duyệt; nêu rõ số lượng, đơn giá, cơ sở xác định đơn giá, thành tiền; thuế, phí, lệ phí;
- Nguồn vốn (theo kế hoạch ngân sách mua sắm được giao);
- Thời gian thực hiện.

b) Phần KHLCNT lập theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Nội dung từng gói thầu trong KHLCNT thực hiện theo quy định tại Điều 35 Luật Đấu thầu, Điều 5 Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT.

Điều 6. Áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu

1. Đấu thầu rộng rãi: Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Luật Đấu thầu.

2. Đấu thầu hạn chế: Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Luật Đấu thầu.

3. Chỉ định thầu: Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật Đấu thầu và Điều 54 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (sau đây viết tắt là Nghị định số 63/2014/NĐ-CP). Trong đó, gói thầu cần thực hiện để bảo đảm bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng thực hiện theo Quyết định số 82/QĐ-TTg ngày 17/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng.

4. Chào hàng cạnh tranh: Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật Đấu thầu và từ Điều 57 đến Điều 59 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

5. Mua sắm trực tiếp: Thực hiện theo quy định tại Điều 24 Luật Đấu thầu và Điều 60 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

6. Tự thực hiện: Thực hiện theo quy định tại Điều 25 Luật Đấu thầu, Điều 61, Điều 62 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

7. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt: Thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật Đấu thầu và Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về một số gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu (LCNT) trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 26 Luật Đấu thầu.

Điều 7. Trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Trình duyệt KHLCNT được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Đấu thầu và Điều 6 Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT.

2. Đối với KHLCNT thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này: Chủ đầu tư, đơn vị mua sắm có trách nhiệm lập KHLCNT báo cáo Thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt; đồng thời gửi cho cơ quan thẩm định KHLCNT quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Thông tư này.

3. Đối với KHLCNT thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư này: Chủ đầu tư, đơn vị mua sắm trình Thủ trưởng đơn vị đầu mối xem xét, phê duyệt; đồng thời gửi cho cơ quan thẩm định KHLCNT quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư này.

4. Đối với KHLCNT thuộc các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư này: Chủ đầu tư, đơn vị mua sắm trình người có thẩm quyền của doanh nghiệp xem xét, phê duyệt; đồng thời gửi cho cơ quan thẩm định KHLCNT quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Thông tư này.

5. Đối với các gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định đầu tưthì chủ đầu tư (trong trường hợp đã xác định được chủ đầu tư) hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án có trách nhiệm lập, trình KHLCNT lên Thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng xem xét phê duyệt theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 36 Luật Đấu thầu, trừ các gói thầu trong đóng tàu quân sự.

6. Hồ sơ trình duyệt KHLCNT bao gồm:

a) Tờ trình phê duyệt KHLCNT của chủ đầu tư, đơn vị mua sắm trình người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp KHLCNT trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt phải có Tờ trình của Thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng;

b) Bản chụp các văn bản:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư; quyết định phê duyệt dự án hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế-kỹ thuật (nếu có);

- Quyết định của người có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật - dự toán (tổng dự toán) hoặc thiết kế bản vẽ thi công - dự toán (nếu có); văn bản thẩm định giá, báo giá đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, trang thiết bị (nếu có);

- Quyết định của người có thẩm quyền giao kế hoạch mua sắm hoặc giao hạn mức nguồn vốn mua sắm;

- Quyết định của người có thẩm quyền phê duyệt cấu hình, tính năng chiến-kỹ thuật của hàng hoá mua sắm đối với loại hàng hoá yêu cầu phải phê duyệt trước khi trình duyệt KHLCNT mua sắm;

- Điều ước quốc tế, thoả thuận quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi;

- Các văn bản pháp lý liên quan đến KHLCNT trình duyệt (hợp đồng và các văn bản phê duyệt phần công việc đã thực hiện);

c) Văn bản giải trình, làm rõ (nếu có).

Điều 8. Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Thẩm định KHLCNT được thực hiện theo các quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Đấu thầu, Điều 6 Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT và các hướng dẫn cụ thể sau:

1. Căn cứ Tờ trình đề nghị phê duyệt KHLCNT và các văn bản liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định KHLCNT phải tiến hành thẩm định, lập báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định phê duyệt KHLCNT, trình người có thẩm quyền phê duyệt. Thời gian thẩm định tối đa không quá 20 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ trình duyệt đến ngày gửi báo cáo thẩm định đến người có thẩm quyền. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ

trình duyệt, cơ quan thẩm định nếu phát hiện hồ sơ trình duyệt chưa đúng, đủ theo quy định phải có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan trình duyệt KHLCNT để bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

2. Quá trình thẩm định KHLCNT các gói thầu thuộc dự toán mua sắm, cơ quan chủ trì thẩm định theo phân cấp (cấp Bộ Quốc phòng, cấp đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng), lấy ý kiến cơ quan Tài chính cùng cấp về dự toán và giá gói thầu, nguồn vốn bảo đảm theo quy định về quản lý giá của Bộ Quốc phòng;lấy ý kiến cơ quan Quân lực về số lượng, chủng loại, các tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tính năng chiến - kỹ thuật đối với hàng hóa thuộc trang bị nhóm 1. Căn cứ tính chất hàng hóa và yêu cầu sử dụng, cơ quan chủ trì thẩm định lấy ý kiến thẩm tra của các cơ quan chuyên ngành khác có liên quan.

3. Cơ quan chủ trì thẩm định KHLCNT:

a) KHLCNT thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này: Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP;

b) KHLCNT thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ trưởng các đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư này: Phòng, Ban Kế hoạch và Đầu tư hoặc cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ thẩm định;

c) KHLCNT các gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm do doanh nghiệp quyết định đầu tư, quyết định mua sắm quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư này: Cơ quan chuyên môn do người có thẩm quyền của doanh nghiệp xác định.

Điều 9. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải được người có thẩm quyền quyết định phê duyệt bằng văn bản.

Trong quyết định phê duyệt KHLCNT phải quy định rõ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các bước tiếp theo của KHLCNT; trách nhiệm quản lý nhà nước và kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức LCNT.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt:

a) KHLCNT của các dự án đầu tư, dự toán mua sắm không phân cấp, ủy quyền; KHLCNT gói thầu thuộc dự toán mua sắm có giá gói thầu trên 25 tỷ đồng (không bao gồm các gói thầu thuộc dự án, dự toán Bộ Quốc phòng phân cấp ủy quyền; mua sắm thuộc nhiệm vụ chi của Ban Cơ yếu Chính phủ);

b) KHLCNT mua sắm hàng dự trữ quốc gia cho quốc phòng;

c) KHLCNT đóng mới, cải hoán, hiện đại hóatàu quân sự (trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Thông tư này);

d) KHLCNT sử dụng nguồn vốn thuộc quỹ dự trữ ngoại hối; gói thầu mua sắm tập trung cấp Bộ Quốc phòng; gói thầu mua thuốc, vật tư y tế của các Bệnh viện trực thuộc Bộ Quốc phòng;

đ) KHLCNT trong trường hợp được xác định trong các quyết định phê duyệt dự án hoặc giao dự toán mua sắm;

3. Thủ trưởng các đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng phê duyệt:

a) KHLCNT thuộc dự án đầu tư phân cấp, uỷ quyền quyết định đầu tư;

b) KHLCNT gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án đầu tư, trừ KHLCNT theo quy định tại khoản 2 Điều này;

c) KHLCNT gói thầu thuộc dự toán mua sắm có giá gói thầu không quá 25 tỷ đồng;

d) KHLCNT gói thầu mua sắm tập trung cấp đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng.

4. Người có thẩm quyền của doanh nghiệp phê duyệt KHLCNT các gói thầu thuộc dự án và dự toán mua sắm phù hợp với quy định trong điều lệ của doanh nghiệp.

5. Thủ trưởng đơn vị phê duyệt dự toán, KHLCNT trong mua sắm thường xuyên của đơn vị mình theo phân cấp quản lý tài chính của Bộ Quốc phòng.

Điều 10. Điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. KHLCNT được điều chỉnh trước thời điểm mở thầu khi có sự thay đổi một trong các nội dung của KHLCNT đã được phê duyệt (tên, nội dung gói thầu; giá gói thầu; nguồn vốn; thời gian bắt đầu tổ chức LCNT; hình thức, phương thức LCNT; loại hợp đồng; thời gian thực hiện hợp đồng) trừ các trường hợp được quy định tại khoản 2 và khoản 8 Điều 117 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

2. Việc lập, thẩm định, phê duyệt khi điều chỉnh KHLCNT thực hiện theo quy định từ Điều 5 đến Điều 9 của Thông tư này.

Chương III

ĐĂNG TẢI THÔNG TIN VỀ ĐẤU THẦU VÀ ĐẤU THẦU QUA MẠNG

Điều 11. Đăng tải thông tin về đấu thầu

1. Việc đăng tải thông tin về đấu thầu thực hiện theo quy định tại Điều 8 Luật Đấu thầu, Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng LCNT qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả (sau đây viết tắt là Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT); Trường hợp cập nhật dự toán gói thầu được phê duyệt sau khi KHLCNT được duyệt thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT.

2. Không đăng tải thông tin về LCNT đối với dự án, gói thầu có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT.

3. Đối với các gói thầu có yêu cầu bảo mật, các bên tham gia phải tuân thủ theo các quy định về bảo mật của Quân đội. Trong HSMT, HSYC phải quy định: Tiêu chuẩn, biện pháp bảo đảm bí mật thông tin về gói thầu của nhà thầu; cam kết không được sử dụng kết quả lựa chọn nhà thầuvà hợp đồng của gói thầu để làm hợp đồng tương tự và điều kiện năng lực khi tham gia dự thầu các gói thầu khác; trường hợp bắt buộc phải chứng minh năng lực bằng các hợp đồng tương tự có yêu cầu bảo mật thì nhà thầu phải báo cáo và được người có thẩm quyền cho phép bằng văn bản. Nhà thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và Bộ Quốc phòng.

Điều 12. Lộ trình đấu thầu qua mạng và quy định thực hiện

1. Lựa chọn nhà thầu qua mạng thực hiện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT, trừ các gói thầu thuộc danh mục bí mật nhà nước được người có thẩm quyền xác định độ mật theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu, chủ đầu tư hoặc bên mời thầu đề xuất các gói thầu tổ chức LCNT qua mạng trong Tờ trình bảo đảm lộ trình theo quy định, trình người có thẩm quyền phê duyệt KHLCNT. Trường hợp không đề xuất, cơ quan thẩm định KHLCNT phải đề xuất tại báo cáo thẩm định để người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 13. Quy trình lựa chọn nhà thầu qua mạng

1. Quy trình LCNT qua mạng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về LCNT qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (sau đây viết tắt là Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT) và Thông tư số 05/2020/TT-BKHĐT ngày 30/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT.

2. Báo cáo đánh giá HSDT thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT ngày 10/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu được tổ chức LCNT trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Chương IV

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT HỒ SƠ MỜI THẦU, HỒ SƠ YÊU CẦU KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU, KÝ KẾT HỢP ĐỒNG, QUẢN LÝ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

Điều 14. Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Thẩm quyền phê duyệt hồ sơ mời thầu (HSMT), hồ sơ yêu cầu (HSYC), kết quả lựa chọn nhà thầu (KQLCNT).

a) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt:

- HSMT, HSYC, KQLCNT các gói thầu thuộc các dự án đầu tư, dự toán mua sắm do Bộ Quốc phòng làm chủ đầu tư, đơn vị mua sắm (bên mời thầu);

- KQLCNT các gói thầu thuộc nguồn vốn quỹ dự trữ ngoại hối (trừ trường hợp gói thầu Bộ trưởng Bộ Quốc phòng uỷ quyền cho chủ đầu tư, đơn vị mua sắm phê duyệt KQLCNT trong quyết định phê duyệt KHLCNT), gói thầu được xác định phải trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt KQLCNT trong Quyết định phê duyệt KHLCNT;

b) Thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng phê duyệt HSMT, HSYC, KQLCNT các gói thầu thuộc dự án đầu tư, dự toán mua sắm do mình làm chủ đầu tư hoặc đơn vị mua sắm (bên mời thầu); các gói thầu được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng uỷ quyền phê duyệt KQLCNT;

c) Chủ đầu tư, Thủ trưởng đơn vị mua sắm và người có thẩm quyền của doanh nghiệp phê duyệt HSMT, HSYC, KQLCNTcác gói thầu không thuộc các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.

2. Cơ quan thẩm định HSMT, HSYC, KQLCNT

a) Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP chủ trì thẩm định:

- HSMT, HSYC, KQLCNT các gói thầu thuộc các dự án đầu tư, dự toán mua sắm do Bộ Quốc phòng làm chủ đầu tư, đơn vị mua sắm (bên mời thầu);

- KQLCNT các gói thầu được xác định phải trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt trong Quyết định phê duyệt KHLCNT và gói thầu thuộc nguồn vốn quỹ dự trữ ngoại hối (trừ trường hợp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng uỷ quyền);

b) Phòng, Ban Kế hoạch và Đầu tư hoặc cơ quan chuyên môn thuộc quyền do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng xác định, chủ trì thẩm định HSMT, HSYC, KQLCNT các gói thầu thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng;

c) Cơ quan chủ trì thẩm định HSMT, HSYC, KQLCNT quy định tại điểm c khoản 1 Điều này do chủ đầu tư, đơn vị mua sắm và người có thẩm quyền của doanh nghiệp xác định theo quy định của Luật Đấu thầu và quy định liên quan.

3. Điều kiện phê duyệt HSMT, HSYC, KQLCNT

a) HSMT, HSYC, KQLCNT phải được thẩm định và phê duyệt theo quy định; báo cáo thẩm định theo mẫu quy định tại Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập báo cáo thẩm định trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu (sau đây viết tắt là Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT);

b) Quá trình thẩm định HSMT, HSYC, KQLCNT, cơ quan chủ trì thẩm định có thể yêu cầu chủ đầu tư, bên mời thầu thuê tư vấn, chuyên gia thẩm định hoặc lấy ý kiến tham gia bằng văn bản của các cơ quan chức năng có liên quan về kỹ thuật, tài chính, yêu cầu sử dụng và các nội dung liên quan khác để bảo đảm tính chính xác của kết quả thẩm định;

c) Đối với KQLCNT do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt: Quá trình thẩm định, Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của Vụ Pháp chế/BQP về pháp lý đối với dự thảo hợp đồng gói thầu đã được thương thảo, hoàn thiện;

d) Đối với KQLCNT do Thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng phê duyệt: Quá trình thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của cơ quan pháp chế cùng cấp về pháp lý đối với dự thảo hợp đồng gói thầu đã được thương thảo, hoàn thiện.

4. Trường hợp không có nhà thầu trúng thầu, trong quyết định phê duyệt KQLCNT phải nêu rõ lý do không có nhà thầu nào trúng thầu và hủy thầu để thực hiện tổ chức LCNT lại theo quy định của Luật Đấu thầu.

Điều 15. Ký kết hợp đồng, gửi văn bản phê duyệt trong quá trình lựa chọn nhà thầu

1. Việc ký kết hợp đồng phải có đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 64 Luật Đấu thầu, bảo đảm chặt chẽ, tuân thủ đúng loại hợp đồng, thời gian thực hiện hợp đồng đã được phê duyệt trong KHLCNT và các quy định về biểu mẫu hợp đồng, điều kiện chung, điều kiện cụ thể trong HSMT, HSYC, các quy định tại Thông tư này, quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

2. Các văn bản dưới đây phải gửi đến Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP (cả cấp Bộ Quốc phòng và cấp đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng phê duyệt) và Phòng, Ban Kế hoạch và Đầu tư hoặc cơ quan chủ trì thẩm định KHLCNT (chỉ văn bản thuộc cấp đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng) để theo dõi, quản lý, gồm:

a) Quyết định phê duyệt KHLCNT;

b) Quyết định phê duyệt HSMT, HSYC;

c) Quyết định phê duyệt danh sách ngắn, danh sách nhà thầu được nhận HSMT (đấu thầu rộng rãi có lựa chọn danh sách ngắn; đấu thầu hạn chế), danh sách nhà thầu được nhận HSYC (đối với các gói thầu chỉ định thầu vượt hạn mức quy định tại Điều 54 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP);

d) Quyết định phê duyệt KQLCNT;

đ) Hợp đồng gói thầu đã được ký kết với nhà thầu trúng thầu.

Điều 16. Đấu thầu quốc tế

1. Tổ chức đấu thầu quốc tế để LCNT chỉ áp dụng đối với các gói thầu có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Đấu thầu.

2. Việc xác định tư cách hợp lệ của nhà thầu nước ngoài thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Đấu thầu. Ngôn ngữ và đồng tiền sử dụng trong đấu thầu quốc tế thực hiện theo quy định tại Điều 9 và khoản 2 Điều 10 Luật Đấu thầu.

3. Ưu đãi trong LCNT đối với đấu thầu quốc tế thực hiện theo quy định tại Điều 14 Luật Đấu thầu và Điều 4 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

4. Thời gian trong quá trình tổ chức LCNT thực hiện theo quy định tại Điều 12 Luật Đấu thầu và khoản 2 Điều 64 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

5. Hình thức LCNT đối với đấu thầu quốc tế gồm: Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp và LCNT trong trường hợp đặc biệt. Quy trình tổ chức LCNT theo quy định tại Điều 26 và các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 38 Luật Đấu thầu.

6. Mẫu hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu thực hiện theo các Thông tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành.

7. Căn cứ quy mô, tính chất gói thầu khi lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu phải chỉnh sửa quy định về giá dự thầu, ngôn ngữ, đồng tiền, ưu đãi và thời gian trong hồ sơ cho phù hợp với quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6 Điều này.

Điều 17. Quản lý nhà thầu nước ngoài sau khi trúng thầu

Nhà thầu nước ngoài sau khi trúng thầu thực hiện gói thầu trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Việt Nam về nhập cảnh, xuất cảnh, nhập khẩu, xuất khẩu hàng hoá, hợp pháp hóa lãnh sự, đăng ký tạm trú, chế độ kế toán, thuế của Nhà nước Việt Nam theo quy định tại Điều 128 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và các quy định của Bộ Quốc phòng về đối ngoại và thương mại quân sự. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hợp đồng ký kết với nhà thầu nước ngoài có hiệu lực, chủ đầu tư, đơn vị mua sắm có trách nhiệm báo cáo Bộ Quốc phòng bằng văn bản (qua Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP) về nhà thầu nước ngoài thực hiện gói thầu thuộc phạm vi quản lý.

Chương V

LỰA CHỌN NHÀ THẦU TRONG ĐÓNG TÀU QUÂN SỰ

Điều 18. Lựa chọn nhà thầu tư vấn lập dự án đầu tư; tư vấn thiết kế kỹ thuật- dự toán, tổng dự toán đóng tàu

1. Lập, thẩm định, phê duyệt KHLCNT tư vấn lập dự án đầu tư; tư vấn thiết kế kỹ thuật- dự toán, tổng dự toán:

a) Đối với các tàu chiến đấu, tàu chuyên dụng có thiết kế phức tạp được đóng theo thiết kế mới:Chủ đầu tư, đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án có trách nhiệm lập KHLCNT tư vấn lập dự án đầu tư; tư vấn thiết kế kỹ thuật- dự toán, tổng dự toán, báo cáo Thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt;

b) Đối với các chủng loại tàu còn lại, hoặc tàu đóng theo thiết kế có sẵn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án có trách nhiệm lập KHLCNT tư vấn lập dự án đầu tư; tư vấn thiết kế kỹ thuật- dự toán, tổng dự toán,trìnhThủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt.

2. Lập, thẩm định, phê duyệt HSMT, HSYC; tổ chức LCNT;đánh giá HSDT, HSĐX; thương thảo hợp đồng thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu.

3. Thẩm định, phê duyệt KQLCNT thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

Điều 19. Lựa chọn nhà thầu thi công đóng tàu (gói thầu hỗn hợp)

1. Căn cứ dự án đầu tư, hồ sơ thiết kế kỹ thuật-tổng dự toán dự án đóng tàu được duyệt (nếu có) và kế hoạch vốn bố trí cho đóng tàu, chủ đầu tư, đơn vị mua sắm lập KHLCNT, báo cáo Thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt. Trong đó:

a) Trường hợp đóng tàu đơn chiếc: Các nội dung cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, thiết bị lắp đặt lên tàu (gọi chung là "hàng hóa"), dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn và sản xuất thi công đóng tàu được lập thành gói thầu hỗn hợp để LCNT thi công đóng tàu;

b) Trường hợp đóng tàu theo loạt: Căn cứ quy mô, tiến độ của dự án được duyệt, chủ đầu tư, đơn vị mua sắm có thể lập thành các gói thầu hỗn hợp hoặc một số nội dung công việc mua sắm thiết bị chính lắp đặt lên tàu được lập thành gói thầu riêng để tổ chức LCNT.

2. Thẩm định, phê duyệt KQLCNT thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

Điều 20.Lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, phi tư vấn phục vụ đóng tàu

Việc mua sắm các loại hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn còn lại để phục vụ thi công đóng tàu thực hiện theo Quy chế do nhà thầu trúng thầu gói thầu thi công đóng tàu quân sự ban hành theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Đấu thầu bảo đảm công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế. Trường hợp không ban hành quy định riêng thì áp dụng theo các quy định chung của Luật Đấu thầu và quy định tại Thông tư này.

Đối với các thiết bị, vật tư, nguyên nhiên vật liệu chính và các dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ tư vấn quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến kỹ thuật, chất lượng của tàu thì phải đưa ra các yêu cầu cụ thể về tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật, chất lượng và yêu cầu có liên quan khác trong HSMT, HSYC làm cơ sở cho nhà thầu chào thầu, ký kết hợp đồng gói thầu.

Chương VI

LỰA CHỌN NHÀ THẦU MUA THUỐC VÀ VẬT TƯ Y TẾ

Điều 21. Quy định chung trong đấu thầu mua thuốc và vật tư y tế

1. Mua thuốc, vật tư y tế trong Bộ Quốc phòng thực hiện theo quy định từ Điều 75 đến Điều 81 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập (sau đây viết tắt là Thông tư số 15/2019/TT-BYT), Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá (sau đây viết tắt là Thông tư số 15/2020/TT-BYT). Việc LCNT cung cấp vật tư y tế được thực hiện như gói thầu mua sắm hàng hóa thuộc dự toán mua sắm quy định tại Thông tư này và Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập (sau đây viết tắt là Thông tư số 14/2020/TT-BYT).

2. Tổ chức đấu thầu mua thuốc tại các bệnh viện trực thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện như quy trình tổ chức LCNT gói thầu thuộc dự toán mua sắm quy định tại Thông tư này. Thủ trưởng các bệnh viện trực thuộc Bộ Quốc phòng căn cứ nhu cầu mua thuốc ngoài danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp quốc gia, cấp địa phương, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá (trừ các trường hợp theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 15/2019/TT-BYT) để lập dự toán và KHLCNT các gói thầu mua thuốc trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt, cơ quan thẩm định KHLCNT là Cục Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Cục Tài chính/BQP, Cục Quân y/TCHC. Căn cứ dự toán và KHLCNT được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Thủ trưởng các bệnh viện trực thuộc Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm tổ chức LCNT theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Tổ chức đấu thầu mua thuốc, vật tư y tế của các đơn vị không quy định tại điểm d khoản 2 Điều 9 Thông tư này: Đơn vị mua sắm lập và trình Thủ trưởng cấp trên trực tiếp thẩm định, phê duyệt dự toán và KHLCNT. Căn cứ vào dự toán và KHLCNT được phê duyệt, Thủ trưởng đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm tổ chức LCNT, lập, thẩm định, phê duyệt HSMT, HSYC và phê duyệt KQLCNT.

4. Mua thuốc thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng đàm phán giá thực hiện theo quy định tại các Chương IV, V, VI Thông tư số 15/2019/TT-BYT và Thông tư số 15/2020/TT-BYT.

5. Tổ chức đấu thầu mua thuốc tại quân y cơ quan, quân y đơn vị: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này (không bắt buộc phải thực hiện theo các điều khoản quy định tại Chương II Thông tư số 15/2019/TT-BYT).

6. Đối với nội dung mua thuốc, vật tư y tế dùng nguồn quỹ bảo hiểm y tế không cấp ngân sách qua Bộ Quốc phòng thì tổ chức LCNT theo quy định của Thông tư này; việc thanh quyết toán ngân sách theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của đơn vị giao ngân sách.

Điều 22. Quy định về việc tự tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với thuốc thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung, thuốc thuộc danh mục thuốc đàm phán giá của cơ sở y tế

Việc tự tổ chức LCNT đối với thuốc thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc đàm phán giá thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 15/2019/TT-BYT.

Chương VII

MUA SẮM TẬP TRUNG

Điều 23. Danh mục tài sản (hàng hóa, dịch vụ) mua sắm tập trung

1. Danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp Quốc gia do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành theo lộ trình được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp Bộ Quốc phòng thực hiện theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

3. Danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện theo quyết định của Thủ trưởng (chủ tài khoản) đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng.

4. Danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp Bộ Quốc phòng áp dụng đối với tất cả các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng. Danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng áp dụng đối với tất cả các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi mình quản lý.

5. Không thực hiện mua sắm tập trung đối với hàng hóa, dịch vụ được duyệt trong các dự án đầu tư.

Điều 24. Đơn vị mua sắm tập trung

1. Cấp Bộ Quốc phòng: Căn cứ tính chất tài sản mua sắm tập trung, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định giao cho một đơn vị chủ trì tổ chức mua sắm tập trung cấp Bộ Quốc phòng khi giao dự toán mua sắm.

2. Cấp đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng: Căn cứ tài sản mua sắm tập trung được Bộ Quốc phòng xác định cho cấp đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng mua sắm tập trung, Thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng xác định một đơn vị thuộc quyền có đủ năng lực chuyên môn phù hợp với tính chất hàng hóa tổ chức mua sắm tập trung khi giao dự toán mua sắm.

Điều 25. Cách thứcthực hiện mua sắm tập trung

1. Việc mua sắm tập trung theo quy định tại Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây viết tắt là Nghị định 151/2017/NĐ-CP) được thực hiện theo một trong hai cách thức: Mua sắm tập trung theo cách thức ký thỏa thuận khung và mua sắm tập trung theo cách thức ký hợp đồng trực tiếp.

2. Quy trình tổng quát thực hiện mua sắm tập trung: Lập, thẩm định và phê duyệt KHLCNT;chuẩn bị LCNT; tổ chức LCNT; đánh giá HSDT và thương thảo thỏa thuận khung;thẩm định, phê duyệt và công khai KQLCNT; ký kết thỏa thuận khung về mua sắm tập trung; ký kết hợp đồng mua sắm tài sản; thanh toán, bàn giao, tiếp nhận tài sản, quyết toán, thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản; bảo hành, bảo trì tài sản.

3. Quy trình chi tiết mua sắm tập trung thực hiện theo quy định tại Chương VI Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. Việc lập, thẩm định, phê duyệt các nội dung trong quá trình tổ chức LCNT các gói thầu mua sắm tập trung theo cách thức ký thỏa thuận khung thực hiện như quy trình tổ chức LCNT gói thầu thuộc dự toán mua sắm quy định tại Thông tư này.

Chương VIII

GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ VỀ ĐẤU THẦU

Điều 26. Giải quyết kiến nghị về đấu thầu

1. Việc giải quyết kiến nghị về đấu thầu thực hiện theo quy định tại Điều 91, Điều 92 Luật Đấu thầu; từ Điều 118 đến Điều 120 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và được phân cấp trách nhiệm giải quyết theo cấp phê duyệt dự án, dự toán mua sắm. Trong nội dung về Chỉ dẫn nhà thầu trong HSMT, HSYC, chủ đầu tư, bên mời thầu phải ghi đầy đủ thông tin về tên, địa chỉ số

điện thoại của Bộ phận thường trực thuộc Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị về đấu thầu theo phân cấp quy định tại Điều 27, 28 Thông tư này.

2. Thành lập Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị về KQLCNT

Khi có văn bản kiến nghị phù hợp quy định pháp luật của nhà thầu tham dự thầu về KQLCNT: Cục trưởng Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (cấp Bộ Quốc phòng); Phòng, Ban Kế hoạch và Đầu tư hoặc cơ quan được giao trình Thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng (cấp đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng) quyết định thành lập Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị về KQLCNT với thành phần được quy định tại khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 28 Thông tư này.

Điều 27. Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị cấp Bộ Quốc phòng

1. Thành lập và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng tư vấn cấp Bộ Quốc phòng

a) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra quyết định thành lập Hội đồng tư vấn cấp Bộ Quốc phòng theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP để giải quyết kiến nghị trong thời hạn tối đa là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị hợp lệ của nhà thầu dự thầu. Hội đồng tư vấn cấp Bộ Quốc phòng hoạt động theo từng vụ việc; tự giải thể sau khi đã giải quyết xong kiến nghị hoặc chưa giải quyết xong kiến nghị nhưng nhà thầu có đơn kiến nghị ra toà;

b) Hội đồng tư vấn cấp Bộ Quốc phòng làm việc theo nguyên tắc tập thể gắn với trách nhiệm cá nhân của các thành viên được chủ tịch Hội đồng tư vấn phân công;

c) Hội đồng tư vấn cấp Bộ Quốc phòng hoạt động thông qua các cuộc họp, trường hợp không tổ chức họp được các thành viên Hội đồng phải có ý kiến bằng văn bản; các thành viên Hội đồng thảo luận tập thể, biểu quyết theo đa số, Chủ tịch Hội đồng tư vấn chủ trì cuộc họp và kết luận nội dung phiên họp; báo cáo kết quả làm việc với người có thẩm quyền xem xét, quyết định; từng thành viên được quyền bảo lưu ý kiến và chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến của mình;

d) Bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn cấp Bộ Quốc phòng trực thuộc Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng tư vấn cấp Bộ Quốc phòng quy định: Tiếp nhận và quản lý đơn, hồ sơ kiến nghị, dự thảo quyết định thành lập Hội đồng; thông báo thụ lý hay không thụ lý giải quyết kiến nghị gửi cho bên kiến nghị; lập chương trình làm việc, tổ chức các cuộc họp của Hội đồng; trên cơ sở ý kiến các thành viên Hội đồng, tổng hợp báo cáo Chủ tịch Hội đồng trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét quyết định. Thực hiện các nội dung khác theo quy định tại khoản 8 Điều 9 của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; Thông tư số 190/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng chi phí trong quá trình LCNT các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ; Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày

29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

2. Thành phần Hội đồng tư vấn cấp Bộ Quốc phòng

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP;

b) Thành viên Hội đồng bao gồm:

- Đại diện cơ quan, đơn vị đầu mối thuộc Bộ Quốc phòng là cấp trên trực tiếp của chủ đầu tư dự án hoặc gói thầu có kiến nghị;
- Đại diện Chủ đầu tư dự án hoặc đơn vị mua sắm gói thầu có kiến nghị;
- Đại diện Vụ Pháp chế/BQP;
- Đại diện các cơ quan chức năng được Chủ tịch Hội đồng xác định theo tính chất, nội dung có liên quan đến dự án hoặc gói thầu có kiến nghị (căn cứ tính chất gói thầu có kiến nghị, Chủ tịch Hội đồng tư vấn có thể mời thêm đại diện của hiệp hội nghề nghiệp liên quan và chuyên gia có am hiểu đến nội dung kiến nghị).

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng tư vấn cấp Bộ Quốc phòng

a) Nhiệm vụ: Tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giải quyết về kiến nghị đối với tất cả các gói thầu thuộc dự án do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định đầu tư hoặc uỷ quyền quyết định đầu tư và các gói thầu thuộc dự toán mua sắm thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; các gói thầu phức tạp, nhạy cảm khi có kiến nghị của nhà thầu và theo đề nghị của Thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng;

b) Quyền hạn: Yêu cầu nhà thầu, chủ đầu tư, các cơ quan liên quan đến gói thầu cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng cứ, ý kiến cần thiết để hoàn thành Báo cáo kết quả làm việc. Trường hợp cần thiết, Hội đồng tư vấn cấp Bộ Quốc phòng có thể làm việc trực tiếp với các bên liên quan để làm rõ vấn đề cần giải quyết.

4. Chủ tịch Hội đồng sử dụng con dấu của Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP; thành viên Hội đồng sử dụng con dấu của cơ quan, đơn vị nơi thành viên Hội đồng công tác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Điều 28. Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị cấp đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng

1. Thành lập và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng tư vấn cấp đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng

Thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng ra quyết định thành lập Hội đồng tư vấn cấp mình để giải quyết kiến nghị trong thời hạn tối đa là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị hợp lệ của nhà thầu dự thầu. Hội đồng tư vấn cấp đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng hoạt động theo từng vụ việc; tự giải thể sau khi đã giải quyết xong kiến nghị hoặc chưa giải quyết xong kiến nghị nhưng nhà thầu có đơn kiến nghị ra toà;

2. Thành viên Hội đồng tư vấn cấp đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng

a) Chủ tịch Hội đồng tư vấn cấp đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng do Thủ trưởng đơn vị đầu mối quyết định;

b) Thủ trưởng Phòng, Ban Kế hoạch và Đầu tư hoặc Thủ trưởng đơn vị chuyên môn thuộc đơn vị đầu mối được giao nhiệm vụ thẩm định KHLCNT;

c) Đại diện cấp trên trực tiếp của chủ đầu tư dự án hoặc gói thầu có kiến nghị (nếu có);

d) Đại diện cơ quan pháp chế hoặc trợ lý Pháp chế cùng cấp;

đ) Đại diện các cơ quan chức năng thuộc đơn vị đầu mối có liên quan đến gói thầu có kiến nghị;

e) Tuỳ theo tính chất gói thầu có kiến nghị, Hội đồng cấp đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng có thể mời thêm đại diện của hiệp hội nghề nghiệp liên quan và chuyên gia có am hiểu đến nội dung kiến nghị của gói thầu;

g) Bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng là Phòng Kế hoạch và Đầu tư hoặc cơ quan chuyên môn thuộc đơn vị đầu mối được giao nhiệm vụ thẩm định KHLCNT; nội dung thực hiện nhiệm vụ được quy định tương tự như bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn cấp Bộ Quốc phòng.

3. Trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng tư vấn cấp đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng

a) Trách nhiệm: Tư vấn cho Thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng giải quyết về kiến nghị đối với gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm do cấp mình quyết định đầu tư, quyết định mua sắm;

b) Quyền hạn: Yêu cầu nhà thầu, chủ đầu tư, đơn vị mua sắm, các cơ quan liên quan đến gói thầu cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng cứ, ý kiến cần thiết để hoàn thành Báo cáo kết quả làm việc. Trường hợp cần thiết, Hội đồng tư vấn cấp đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng có thể làm việc trực tiếp với các đối tượng liên quan để làm rõ vấn đề cần giải quyết.

Chương IX

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU

Điều 29. Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP

1. Chịu trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quản lý hoạt động đấu thầu trong Bộ Quốc phòng, bao gồm:

a) Chủ trì soạn thảo, phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách về đấu thầu thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

b) Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về hoạt động đấu thầu của Bộ Quốc phòng; tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo về tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, báo cáo cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

c) Chủ trì công tác kiểm tra, giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu; phối hợp với thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật đấu thầu.

2. Hướng dẫn chi tiết các mẫu biểu trong quá trình tổ chức LCNT cấp Bộ Quốc phòng và cấp đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng.

3. Chủ trì phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ đấu thầu cho các cơ quan, đơn vị trong Bộ Quốc phòng.

4. Chủ trì thực hiện công tác thẩm định, thẩm tra các thủ tục trong quá trình LCNT thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc theo nhiệm vụ cụ thể được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan phát hiện, xử lý theo thẩm quyền để ngăn chặn hoặc báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, xử lý đối với những vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

6. Chủ trì soạn thảo ý kiến của Bộ Quốc phòng đối với các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực đấu thầu của các Bộ, ngành Nhà nước gửi lấy ý kiến Bộ Quốc phòng.

7. Chủ trì tổ chức hoạt động của Hội đồng tư vấn cấp Bộ Quốc phòng khi giải quyết kiến nghị về đấu thầu theo quy định của Thông tư này.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Thông tư này hoặc khi được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 30. Cục Tài chính/BQP

1. Chủ trì phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu đề xuất danh mục các mặt hàng mua sắm tập trung (cấp Bộ Quốc phòng).

2. Thẩm định giá dự toán gói thầu mua sắm hàng hoá, dịch vụ trong nước thuộc dự toán mua sắm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

3. Phối hợp với Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP trong việc hướng dẫn, kiểm tra, rà soát hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu; tham gia giải quyết khiếu nại, kiến nghị liên quan đến hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác được quy định trong Thông tư này hoặc khi được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 31. Thanh tra Bộ Quốc phòng

Thanh tra hoạt động đấu thầu đối với các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 32. Tổ chức Pháp chế trong Quân đội

1. Trách nhiệm của Vụ Pháp chế/BQP:

a) Phối hợp với Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP thực hiện kiểm tra công tác đấu thầu; hướng dẫn, rà soát hoạt động đấu thầu; xử lý đối với những vi phạm pháp luật trong hoạt động đấu thầu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;

b) Thẩm định về pháp lý đối với dự thảo hợp đồng gói thầu đã được thương thảo, hoàn thiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Thông tư này;

c) Tham gia Hội đồng tư vấn cấp Bộ giải quyết kiến nghị về đấu thầu;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác được quy định trong Thông tư này hoặc khi cấp có thẩm quyền giao.

2. Tổ chức pháp chế (Phòng, ban, trợ lý pháp chế) tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có trách nhiệm tham mưu, giúp Thủ trưởng đơn vị trong hoạt động đấu thầu thuộc phạm vi quản lý theo quy định; thẩm định về pháp lý đối với dự thảo hợp đồng gói thầu đã được thương thảo, hoàn thiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 14 Thông tư này.

Điều 33. Cục Bảo vệ an ninh Quân đội/TCCT

1. Chủ trì, phối hợp Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành quy định về mã hoá thông tin, bảo mật thông tin gói thầu cần thực hiện để bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP và cơ quan liên quan thẩm định tiêu chuẩn, biện pháp an ninh đối với nhà thầu khi thực hiện các chương trình, dự án, gói thầu thuộc Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng hoặc khi có yêu cầu.

3. Phối hợp với các cơ quan chức năng phát hiện những tiêu cực, vi phạm pháp luật và đề xuất Bộ trưởng Bộ Quốc phòng biện pháp xử lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 34. Các cơ quan, đơn vị và cá nhân

1. Đối với các cơ quan, đơn vị trong toàn quân

a) Tuân thủ, thực hiện đúng quy định của pháp luật về đấu thầu và quy định của Thông tư này;

b) Chủ động đề xuất các phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện các quy định pháp luật về đấu thầu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình gửi Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP để tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo Nhà nước xem xét giải quyết;

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đấu thầu tại đơn vị mình;

d) Thực hiện chế độ báo cáo về công tác đấu thầu định kỳ hàng năm và đột xuất thuộc phạm vi quản lý gửi về Bộ Quốc phòng (qua Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP) theo quy định của pháp luật.

2. Đối với cá nhân

Cá nhân được giao nhiệm vụ liên quan đến hoạt động đấu thầu phải bảo đảm các điều kiện về năng lực quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu, Thông tư số 04/2019/TT-BKHĐT ngày 25/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu; thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của mình và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ Quốc phòng về những hành vi do mình gây ra; trường hợp thấy những vấn đề vượt quá thẩm quyền phải kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền lấy ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2021.

2. Bãi bỏ các văn bản:

a) Thông tư số 88/2017/TT-BQP ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định một số nội dung về đấu thầu LCNT trong Bộ Quốc phòng;

b) Thông tư số 191/2017/TT-BQP ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 3 Thông tư số 88/2017/TT-BQP ngày 17 tháng 4 năm 2017 quy định một số nội dung về đấu thầu LCNT trong Bộ Quốc phòng;

c) Những quy định trước đây trái với các nội dung quy định tại Thông tư này đều bãi bỏ.

3. Trường hợp các văn bản được viện dẫn trong Thông tư này có sự thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo văn bản đã được thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung.

4. Những nội dung về LCNT không được quy định trong Thông tư này thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 36. Điều khoản chuyển tiếp

1. KHLCNT, HSMT, HSYC, KQLCNT đã phê duyệt trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện như các nội dung đã được phê duyệt.

2. KHLCNT, HSMT, HSYC, KQLCNT được phê duyệt sau thời điểm Thông tư này có hiệu lực phải thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 37. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng; các chủ đầu tư, đơn vị mua sắm, các Ban quản lý dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan phổ biến, hướng dẫn thực hiện Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, cơ quan, đơn vị liên quan kịp thời phản ánh về Bộ Quốc phòng (qua Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP) để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng BQP;
- Chủ nhiệm TCCT, Tổng Tham mưu trưởng;
- Các đồng chí Thứ trưởng BQP;
- Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc BQP;
- Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP;
- Vụ Pháp chế/BQP;
- Lưu: VT, THBĐ. Kiệm b.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đã ký

Thượng tướng Trần Đơn